|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS, THPT ….**  *(Đề có 2 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NH: 2023 – 2024**  **Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - Lớp 6**  *Thời gian làm bài 60 phút*  *Không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh :** ……………………………………………

**Mã đề: 102**

**Số báo danh :** …………………………………………….....

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** *(gồm 16 Câu, 4 điểm)*

**Câu 1:** Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật sống:

**A.** Chiếc bút, con vịt, con chó **B.** Chiếc bút, chiếc lá, viên phấn.

**C.** Con gà, con chó, cây nhãn. **D.** Chiếc lá, cây mồng tơi, hòn đá.

**Câu 2:** Chọn phát biểu đúng:

**A.** Oxygen là chất khí, tan ít trong nước và nặng hơn không khí.

**B.** Oxygen là chất khí, tan vô hạn trong nước và nặng hơn không khí.

**C.** Oxygen là chất khí, tan ít trong nước và nhẹ hơn không khí.

**D.** Oxygen là chất khí, tan vô hạn trong nước và nhẹ hơn không khí.

**Câu 3:** Trong thang nhiệt độ Celsius, nhiệt độ của hơi nước đang sôi là:

**A.** 100℃. **B.** 50℃. **C.** 78℃. **D.** 0℃.

**Câu 4:** Bạn Hồng bắt đầu đạp xe đi từ nhà lúc 6 giờ 30 phút và tới trường lúc7 giờ. Thời gian Hồng đi từ nhà đến trường là

**A.** 0,25 giờ. **B.** 0, 15 giờ. **C.** 0,3 giờ. **D.** 0,5 giờ.

**Câu 5:** Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

**A.** giờ. **B.** giây. **C.** phút. **D.** ngày.

**Câu 6:** Cách đổi thời gian nào sau đây là đúng?

**A.** 2,5 phút =50 giây. **B.** 2,5 phút =15 giây.

**C.** 2,5 phút =150 giây. **D.** 2,5 phút =250 giây.

**Câu 7:** Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về thực vật thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

**A.** Vật lí. **B.** Hoá học. **C.** Khoa học Trái Đất. **D.** Sinh học.

**Câu 8:** Tính chất nào sau đây là tính chất hoá học của khí carbon dioxide?

**A.** Không mùi, không vị. **B.** Làm đục dung dịch nước vôi trong.

**C.** Chất khí, không màu. **D.** Tan rất ít trong nước.

**Câu 9:** Để đo thời gian chạy ngắn 50 m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất?

**A.** Đồng hồ đeo tay. **B.** Đồng hồ bấm giây.

**C.** Đồng hồ quả lắc. **D.** Đồng hồ cát.

**Câu 10:** Giới hạn đo của thước là

**A.** khoảng cách ngắn nhất trên thước. **B.** giá trị nhỏ nhất ghi trên thước.

**C.** giá trị lớn nhất ghi trên thước. **D.** giá trị cuối cùng ghi trên thước.

**Câu 11:** Một hộp sữa Ông Thọ có ghi “Khối lượng tịnh 380 g”, con số 380 g chỉ:

**A.** Khối lượng của cả hộp sữa. **B.** Khối lượng của vỏ hộp sữa.

**C.** Khối lượng của sữa trong hộp. **D.** Khối lượng hộp sữa là 380 g.

**Câu 12:** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là biểu hiện của sự ô nhiễm môi trường?

**A.** Có mùi khó chịu.

**B.** Da bị kích ứng, nhiễm các bệnh đường hô hấp.

**C.** Xuất hiện mưa acid, bầu trời bị sương mù cả ban ngày.

**D.** Buổi sáng sớm thường có sương đọng trên lá.

**Câu 13:** Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

**A.** Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu. **B.** Lấy lá cây thuốc ép ngay vào vị trí đó.

**C.** Hô hấp nhân tạo. **D.** Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

**Câu 14:** Vật thể nhân tạo là

**A.** Cái bàn. **B.** Cây ngô. **C.** Mặt Trời. **D.** Con mèo.

**Câu 15:** Phương pháp nào để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng dầu?

**A.** Quạt. **B.** Dùng cồn.

**C.** Phủ chăn bông ướt hoặc vải dày ướt. **D.** Dùng nước.

**Câu 16:** Một xe chở mì khi lên trạm cân số chỉ là 4,3 tấn và sau khi đổ mì khỏi xe và cân lại thì xe có khối lượng là 680 kg. Hỏi khối lượng của mì là bao nhiêu?

**A.** 4980 kg. **B.** 3620 kg. **C.** 4300 kg. **D.** 5800 kg.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** *(gồm 5 bài, 6 điểm)*

**Bài 1:** ***(1,5 điểm*)** Các hoạt động sau đây thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

a) Nghiên cứu quá trình sinh trưởng và phát triển của các tế bào.

b) Tìm vị trí của nước Việt Nam trên quả địa cầu.

c) Cho kim loại sắt và dung dịch acid tạo thành dung dịch muối sắt.

d) Thả rơi viên phấn.

e) Tìm hiểu về kích thước và quá trình chuyển động của Mặt Trăng.

**Bài 2: *(2,0 điểm*)** Đổi các đơn vị sau:

a) 87000 mm = ……..... dm. b) 520 kg = …………….tạ.

c) 20 phút = ............ giây. d) 41 0F = …………….℃.

**Bài 3: *(0,5 điểm*)** Xác định GHĐ và ĐCNN của thước thẳng sau:

0

1

2

10 cm

**Bài 4: (*1 điểm)*** Có 10 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1 kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 300 g đường nữa. Khối lượng của 10 túi đường khi đó là bao nhiêu?

**Bài 5: *(1 điểm*)** Nêu quá trình làm muối. Thời tiết như thế nào thì thuận tiện cho nghề làm muối?

**HẾT**